

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS - ST

Ngày: 28 - 5 - 2021

V/v “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Sơn Hương

Ông Trần Quốc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đức Trọn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Cầm, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28/4/2021, 28/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1103/2020/TLST - DS ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST - DS ngày 06 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Bà Lê Thị S, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phan Văn Q, sinh năm 1951 .

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Q: Bà Lê Thị T, sinh năm 1953, theo giấy ủy quyền ngày 17 tháng 02 năm 2021 (có mặt).

2. Bà Lê Thị M, sinh năm 1964 (có mặt).
Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Lê Thị T trình bày: Trước đây bà có giữ giùm em bà là bà Lê Thị M chiếc lắc 05 chỉ vàng 24k; vào năm 2001, em bà là bà Lê Thị S có đến nhà bà hỏi mượn 1,5 chỉ vàng trong số vàng của bà M gửi bà, lúc hỏi mượn bà S nói có hỏi mượn bà M rồi nên bà đồng ý. Sau đó bà đổi chiếc lắc 05 chỉ vàng thành 01 chiếc nhẫn 02 chỉ vàng 24k và 01 chiếc nhẫn 03 chỉ vàng 24k; bà đưa cho bà S mượn 01 chiếc nhẫn 02 chỉ vàng 24k. Do số vàng 05 chỉ bà giữ giùm bà M, bà đã trả cho bà M nên bà đã nhiều lần yêu cầu bà S trả nhưng bà S không chịu trả. Nay bà yêu cầu bà S trả lại cho bà 02 chỉ vàng 24k mà bà S đã mượn, bà không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn, bà Lê Thị S trình bày: Trước đây em bà là bà Lê Thị M có thiếu nợ bà Phạm Thị Thêm (đã chết) 02 chỉ vàng 24k, khi bà M đi làm ăn xa thì có nhờ bà lãnh nợ giùm bà M, nghĩ tình chị em nên bà đồng ý. Vào khoảng năm 2011, anh rể bà là ông Phan Văn Q(chồng bà Lê Thị T) có nói với bà là bà M có gửi gia đình ông Q chiếc lắc 05 chỉ vàng 24k, ông Q mượn 03 chỉ còn 02 chỉ đưa cho bà để bà trả cho bà E. Sau đó, tại nhà em dâu bà là bà Nguyễn Thị Đành, ông Q đưa 02 chỉ vàng cho bà có sự chứng kiến của bà Đ. Sau khi nhận 02 chỉ vàng từ ông Q bà đã đem trả cho bà E. Nay bà T cho rằng bà thiếu bà T 02 chỉ vàng 24k và yêu cầu bà trả cho bà T là bà không đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M trình bày: Bà không có thiếu nợ bà E và cũng không có nhờ bà Lê Thị S nhận nợ thay như bà S trình bày. Trước đây, bà có gửi chị bà là bà Lê Thị T giữ giùm bà chiếc lắc 05 chỉ vàng 24k, nay bà T đã giao lại cho bà xong nên bà không có yêu cầu gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/02/2021, ông Phan Văn Qtrình bày: Ông Q không có đưa 02 chỉ vàng cho bà Lê Thị S như bà S khai.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Vị Kiểm sát viên cho rằng, qua các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa cho thấy: Việc bà T cho rằng có cho bà S mượn 02 chỉ vàng 24k trong số vàng mà bà M gửi bà T giữ giùm là có thật vì có ông Lê Hoàng A chứng kiến. Còn việc bà S cho rằng số vàng 02 chỉ trên là ông Phan Văn Q(chồng bà T) đưa cho bà S để trả cho bà E vì bà S lãnh nợ giùm bà M nhưng bà S không có gì chứng minh. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của bà T, buộc bà S trả cho bà T số tiền 10.554.400 đồng (tương đương 02 chỉ vàng 24k). Ngoài ra, vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về phần án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

[3] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như ý kiến của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn bà Lê Thị T cho rằng vào năm 2001 bà có đưa cho bà Lê Thị S mượn 02 chỉ vàng 24k (trong số vàng 05 chỉ bà Lê Thị M gửi bà T giữ giùm); bị đơn bà Lê Thị S thì cho rằng do bà Lê Thị M có thiếu bà Phạm Thị Thêm 02 chỉ vàng và trước khi bà M đi làm ăn có nhờ bà đứng ra lãnh nợ giùm bà M, số vàng 02 chỉ mà bà T khởi kiện bà là vàng của bà M gửi bà T giữ giùm, ông Q là chồng bà T là người đưa cho bà để bà trả cho bà E. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bà S không thừa nhận số vàng 02 chỉ là do bà T đưa nhưng bà thừa nhận có nhận 02 chỉ vàng từ ông Q (là chồng bà T). Như vậy, xem như bà S đã thừa nhận có nhận 02 chỉ vàng 24k từ gia đình ông Q, bà T. Việc bà S cho rằng bà Lê Thị M có thiếu bà Phạm Thị Thêm 02 chỉ vàng và trước khi bà M đi làm ăn có nhờ bà đứng ra lãnh nợ giùm bà M; ông Q là chồng bà T là người đưa cho bà 02 chỉ vàng mà bà M gửi bà T giữ giùm để bà trả cho bà E nhưng bà M, bà T, ông Q không thừa nhận có việc này. Hiện nay bà E đã chết, sự việc bà M có thiếu nợ bà E như bà S khai hay không thì không có ai biết, Tòa án cũng đã ra quyết định yêu cầu bà S cung cấp chứng cứ để chứng minh cho lời khai của bà nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà S không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cho lời khai của mình. Đối với việc bà S cho rằng khi ông Q giao 02 chỉ vàng cho bà có em dâu bà là bà Nguyễn Thị Đành chứng kiến nhưng bà Đ cho rằng không có sự việc như bà S khai (bút lục 20). Trong khi đó em ruột bà S, bà T là ông Lê Hoàng A cho rằng ông có chứng kiến việc bà S đến nhà bà T hỏi

mượn vàng của bà M gửi bà T giữ gìn và chứng kiến bà T giao cho bà S 02 chỉ vàng. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bà S không có cơ sở chấp nhận. Do số vàng 05 chỉ mà bà M gửi bà T giữ gìn hiện nay bà T đã giao lại cho bà M nên Hội đồng xét xử buộc bà S phải trả cho bà T, ông Q số tiền 10.554.400 (tương đương 02 chỉ vàng 24k tại thời điểm xét xử sơ thẩm).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do bà Lê Thị S là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho bà S.

Bà Lê Thị T không phải chịu án phí.

[5] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên: Như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 467, 471 Bộ luật dân sự 1995; Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005, Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

Buộc bà Lê Thị S trả cho bà Lê Thị T, ông Phan Văn Q số tiền 10.554.400 đồng (tương đương 02 chỉ vàng 24k).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí cho bà Lê Thị S.

Bà Lê Thị T không phải chịu án phí.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Sơn Hương

Trần Quốc Tuấn

Đặng Văn Hùng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hùng